TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **201**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 8 – 2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

2. Bà Cao Hồng Cẩm.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đào Hồng T, Sinh năm: 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thành V, xã Tân T, huyện ĐDơi, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc N, Sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 265, đường Phan Ngọc H, khóm 3, phường 6, thành phố CMau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Đào Hồng T là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc N chung sống với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 29/3/2016 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông bà bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cự cải thường xuyên, đánh nhau nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ bà T có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Ông bà đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến

nay. Do đó, bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà T xác định ông bà có một người con chung tên Trần Ngọc Nguyên Kh, sinh ngày 11/4/2016, hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Đối với ông Trần Ngọc N, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Ngọc N đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa bà T, ông N là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Ngọc N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đào Hồng T và ông Trần Ngọc N xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống ông bà có mâu thuẫn là sự thật, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Ông bà có xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, đánh nhau nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này ông bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và cũng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bên cạnh đó, bà Thi cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho bà ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ, chung sống với ông Nguyễn được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T xác định ông bà có một người con chung tên Trần Ngọc Nguyên Kh, sinh ngày 11/4/2016, hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của bà T, ông N. Giao con cho bà T hoặc ông N trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nhưng không phải giao con cho bà T thì người không trực tiếp nuôi con bị

tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Mặc dù, bà T khai ông, bà đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng việc ông, bà ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện con còn bé để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của con nên tiếp tục giao con cho bà Thi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Hồng T về việc xin ly hôn ông Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Nguyên Kh, sinh ngày 11/4/2016, hiện con đang sống với bà T cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 5 năm 2022, bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001303 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.